

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *35* /2018/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày *30* tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
của tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Phú Thọ.

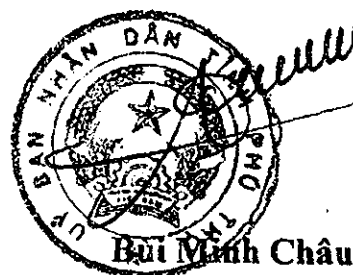
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2018 và thay thế Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; các doanh nghiệp; các trường đại học, cao đẳng và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Ban TĐKT TW;
- Website Chính phủ;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên HĐTĐKT tỉnh;
- Các PCVP;
- Công báo PT;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, VX4. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh Phú Thọ
(Ban hành kèm theo Quyết định số **35** /2018/QĐ- UBND ngày **30** /11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung cơ bản về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, gồm: Tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; qui trình xét chọn; sử dụng, quản lý kinh phí thi đua, khen thưởng và chế độ thưởng vật chất. Những nội dung khác về thi đua, khen thưởng không điều chỉnh tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tập thể, cá nhân trong các cơ quan Nhà nước; đơn vị sự nghiệp; nhân dân lao động; các tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn tỉnh; các cá nhân người nước ngoài; các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, tỉnh ngoài; người Việt Nam sinh sống và làm việc ở nước ngoài, tự nguyện đăng ký thi đua hoặc có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Phú Thọ đều được xem xét khen thưởng theo qui định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tập thể nhỏ trong đơn vị cơ sở (tập thể nhỏ): Là các đơn vị thành viên của đơn vị cơ sở như: Khoa, phòng, tổ, đội và tương đương.
2. Đơn vị cơ sở: Là đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản độc lập. Đối với đơn vị hành chính: Là các xã, phường, thị trấn; đối với đơn vị sản xuất kinh doanh: Là các đơn vị hạch toán độc lập; đối với đơn vị sự nghiệp: Là các trường học, bệnh viện, trung tâm và tương đương.
3. Đơn vị trực thuộc tập thể có quy mô lớn (đơn vị trực thuộc): Là các đơn vị cấu thành tổ chức bộ máy của tập thể lớn, như: Trung tâm, các phòng, ban, văn phòng thuộc các huyện, thành, thị; các trung tâm, chi cục, phòng, ban, văn phòng thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.
4. Tập thể có quy mô lớn: Là các cơ quan, đơn vị có phạm vi hoạt động rộng, có qui mô tổ chức gồm nhiều đơn vị thành viên như: Các huyện, thành, thị;

các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương (đơn vị thành viên các khối thi đua do UBND tỉnh thành lập).

Điều 4. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua: Thi đua được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết và cùng phát triển. Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua.

2. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua: Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào các quy định trong việc tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký.

Điều 5. Nguyên tắc và căn cứ xét khen thưởng

1. Nguyên tắc khen thưởng

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, đơn vị cơ sở, hộ gia đình, cá nhân là công nhân, nông dân, người trực tiếp lao động sản xuất, công tác có thành tích xuất sắc, tiêu biểu; khen thưởng người tốt, việc tốt có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhà nước và của nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức người lao động đang công tác ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn của tỉnh; các lĩnh vực trọng yếu, khó khăn, độc hại, nguy hiểm; cá nhân, tập thể từ yếu kém phấn đấu trở thành điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng, không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Không cộng dồn thành tích khen thưởng lần trước để tính khen thưởng lần sau hoặc khen thưởng ở hình thức cao hơn. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng. Các hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề hoặc các hình thức khen thưởng của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng.

c) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo. Không khen thưởng tập thể có người đứng đầu bị xử lý kỷ luật hoặc có cá nhân bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng có ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian ghi trong quyết định khen thưởng lần trước.

đ) Ở cùng một cấp trong cùng một năm không trình khen thưởng hai lần cho một đối tượng có thành tích trong các phong trào thi đua chuyên đề, theo đợt, trừ thành tích xuất sắc đột xuất.

e) Các tập thể, cá nhân đã được khen thưởng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, sau 02 năm mới được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen

tổng kết năm nếu đủ tiêu chuẩn khen thưởng; sau 03 năm mới được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” nếu đủ tiêu chuẩn.

g) Không trình khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên cho các tập thể, cá nhân tham gia các hội thi, hội thao, hội diễn, diễn đàn hoặc các hội nghị sơ, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định.

h) Đề nghị khen thưởng cấp tỉnh đối với cá nhân phải đảm bảo tỷ lệ ít nhất 50% cá nhân được khen thưởng là công chức, viên chức, người lao động trực tiếp (không hưởng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý) trong tổng số cá nhân đề nghị khen thưởng.

i) Không xem xét khen thưởng: Đối với các tập thể, cá nhân không đăng ký thi đua; người đứng đầu cơ quan, đơn vị mà trong năm đó đơn vị có từ 02 lần trở lên, bị cơ quan cấp trên phê bình bằng văn bản. Đối với cá nhân là cấp phó được phân công phụ trách các lĩnh vực, trên cơ sở kết quả cụ thể của lĩnh vực đó, thủ trưởng đơn vị xem xét trình khen.

k) Có thể xem xét khen thưởng đối với các tập thể có quy mô lớn; các đơn vị cơ sở; đơn vị sự nghiệp nhân dịp kỷ niệm năm tròn, (Năm có chữ số cuối cùng là “0”) trên cơ sở thành tích phù hợp. Không xem xét khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân trực thuộc đơn vị khi kỷ niệm ngày thành lập.

l) Đối với các tổ chức Hội không được giao biên chế: Không xem xét khen thưởng hàng năm cho tập thể Hội và các tập thể, cá nhân thuộc các Hội, chỉ xem xét khen thưởng trong các kỳ Đại hội, khi có thành tích theo quy định.

m) Đối với khen thưởng tổng kết giai đoạn, tổng kết theo các kỳ đại hội: Cấp, ngành nào tổ chức Hội nghị tổng kết giai đoạn - Đại hội Thi đua (Hội nghị điển hình tiên tiến) thì cấp, ngành đó khen thưởng theo thẩm quyền. Đối tượng điển hình được lựa chọn dự Đại hội Thi đua cấp tỉnh, sẽ được Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc tôn vinh tại Đại hội.

2. Căn cứ xét khen thưởng

a) Khen thưởng thường xuyên: Được thực hiện vào dịp tổng kết năm công tác, theo các căn cứ tiêu chuẩn luật định và Quy định này; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn có phạm vi ảnh hưởng lớn được xem xét, đề nghị khen thưởng ở mức cao hơn.

b) Khen thưởng theo chuyên đề:

b1. Các chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch UBND tỉnh phát động: Việc khen thưởng được thực hiện theo các quy định trong kế hoạch tổ chức phong trào thi đua của UBND tỉnh, trên nguyên tắc lấy kết quả thực hiện so với chỉ tiêu kế hoạch được giao hoặc chỉ tiêu thi đua đăng ký và căn cứ vào điều kiện, khả năng thực tế khi thực hiện nhiệm vụ để xét khen thưởng. Số lượng trình khen thưởng cấp tỉnh không quá 15 tập thể, cá nhân thực sự tiêu biểu xuất sắc được các cấp, các ngành lựa chọn từ cơ sở.

b2. Các chuyên đề do bộ, ngành, đoàn thể Trung ương phát động: Việc khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên chỉ thực hiện khi: Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua có đăng ký các chỉ tiêu thi đua; hàng năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện gửi Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh theo dõi, tổng hợp;

Tổng kết giai đoạn 05 năm; Kế hoạch tổng kết được Tỉnh uỷ, UBND tỉnh phê duyệt; đối tượng khen thưởng là các tập thể, cá nhân ở cơ sở, người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác. Số lượng trình khen thưởng cấp tỉnh không quá 10 tập thể, cá nhân thực sự tiêu biểu xuất sắc. Đối với phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” hàng năm được áp dụng theo các quy định tại Điều b2, Điều này.

c) Khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất, phải là những thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường; có phạm vi ảnh hưởng lớn, có tác dụng nêu gương học tập trong toàn ngành, toàn tỉnh được cơ quan có thẩm quyền công nhận và đề nghị.

Điều 6. Tỷ lệ công nhận danh hiệu thi đua và trình khen thưởng

1. Tỷ lệ công nhận danh hiệu thi đua:

a) Tỷ lệ công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trong từng đơn vị trực thuộc của đơn vị thành viên trong các khối thi đua (Trung tâm, chi cục, ban, văn phòng).

- b) Tỷ lệ đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, không quá 10% cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” trong cơ quan, đơn vị.

c) Tỷ lệ đề nghị công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 40% tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.

- Đối với các huyện, thành, thị (cấp huyện): Là tỷ lệ % trên tổng số đơn vị đủ tiêu chuẩn, trong từng khối thi đua do cấp huyện tổ chức, thành lập.

- Đối với các tập thể thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý: Là tỷ lệ % trên tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” của từng khối thuộc Sở, như: Khối văn phòng sở, Khối các trường THPT.

- Đối với các tập thể thuộc Sở Y tế quản lý: Là tỷ lệ % trên tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” của từng khối thuộc Sở, như: Khối văn phòng sở; khối các đơn vị y tế cơ sở; khối các trung tâm, bệnh viện tuyến tỉnh.

- Đối với các đơn vị thành viên khác trong các khối thi đua của tỉnh: Là tỷ lệ % trên tổng số tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trong cơ quan, đơn vị.

d) Tỷ lệ xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh: Không quá 10% trên tổng số tập thể thuộc đối tượng, đủ tiêu chuẩn xét tặng cờ thi đua. Cụ thể:

- Đối với các khối thi đua do UBND tỉnh thành lập: Mỗi khối thi đua lựa chọn đơn vị tiêu biểu xuất sắc toàn diện, có số điểm cao nhất dẫn đầu phong trào thi đua của khối đề nghị UBND tỉnh tặng cờ thi đua. Riêng khối huyện, thành, thị lựa chọn thêm 01 đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất lĩnh vực, có số điểm cộng cho tiêu chí về lĩnh vực cao nhất trong Khối, đề nghị UBND tỉnh tặng cờ thi đua.

- Đối với các sở, ngành cấp tỉnh có từ 09 đơn vị cơ sở trở lên, được xét chọn một đơn vị cơ sở tiêu biểu, xuất sắc toàn diện nhất, đủ tiêu chuẩn theo quy định, đề nghị UBND tỉnh tặng cờ thi đua.

- Đối với cấp huyện: Tổng kết năm kế hoạch, mỗi huyện, thành, thị được xét chọn một đơn vị cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn); tổng kết năm học, xét chọn

một đơn vị cơ sở giáo dục (MN, TH, THCS) tiêu biểu, xuất sắc toàn diện, có số điểm cao nhất, đủ tiêu chuẩn theo quy định trong các khối thi đua do cấp huyện thành lập đề nghị UBND tỉnh tặng cờ thi đua.

- Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo: Mỗi năm học được xét chọn 02 đơn vị giáo dục trực thuộc Sở (Khối trường trung học phổ thông (THPT) tiêu biểu, xuất sắc toàn diện, một trường có số điểm cao nhất dẫn đầu trong khối các trường thuộc khu vực miền núi và một trường có số điểm cao nhất dẫn đầu toàn khối, trong đó cứ sau 03 năm sẽ lựa chọn một trường THPT tư thục tiêu biểu đề nghị UBND tỉnh tặng cờ thi đua. Việc chia cụm, khối thi đua; tiêu chí đánh giá, chấm điểm thi đua đối với các khu vực và các đơn vị thành viên trong các cụm, khối thi đua do Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

- Đối với ngành Y tế: Mỗi năm được xét chọn 02 đơn vị y tế tiêu biểu, xuất sắc toàn diện, một đơn vị có số điểm cao nhất dẫn đầu khối các đơn vị y tế cơ sở và một đơn vị có số điểm cao nhất dẫn đầu khối các trung tâm, bệnh viện tuyến tỉnh, đủ tiêu chuẩn theo quy định, đề nghị UBND tỉnh tặng cờ thi đua.

- Đối với Công an tỉnh: Mỗi năm được xét chọn 02 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc toàn diện có số điểm cao nhất dẫn đầu trong các khối lực lượng chính quy, đề nghị UBND tỉnh tặng cờ thi đua.

Đối với những đơn vị có quy mô, chức năng, nhiệm vụ đặc thù, trong những trường hợp cụ thể do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

đ) Tỷ lệ đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ không quá 20% tập thể tiêu biểu, xuất sắc trên tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn cờ thi đua của UBND tỉnh. Do vậy đối tượng đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ đồng thời là đối tượng nằm trong số lượng đơn vị được xét đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh.

e) Những tập thể đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ và Cờ thi đua của UBND tỉnh phải được lựa chọn suy tôn từ các cụm, khối thi đua do các cấp, các ngành tổ chức thành lập. Trên cơ sở tổng hợp kết quả suy tôn và đề nghị của các khối thi đua và các cấp, các ngành Ban Thi đua, Khen thưởng - Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh xem xét quyết định khen thưởng hoặc trình Chính phủ khen thưởng theo quy định.

2. Tỷ lệ trình khen thưởng:

a) Đối với cá nhân: Hàng năm trình khen cấp tỉnh không quá 20%, khen cao không quá 5% cá nhân tiêu biểu được lựa chọn trong số cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở. Đối với lãnh đạo các tập thể (cấp trường, cấp phó): Trình khen thưởng cấp tỉnh không quá 40%; khen cao không quá 30% trong số cá nhân là lãnh đạo có đủ tiêu chuẩn khen thưởng. Tỷ lệ trình khen cá nhân là lãnh đạo tính trong tỷ lệ cá nhân trình khen trong đơn vị.

b) Đối với tập thể: Hàng năm trình khen từ cấp tỉnh trở lên không quá 20% tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số tập thể liên tục đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, năm trình khen đủ tiêu chuẩn được đơn vị trình khen danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc".

c) Đối với những đơn vị được UBND tỉnh tặng cờ thi đua hoặc bằng khen toàn diện (Khen thưởng xuyên) sẽ được xem xét khen thưởng với tỷ lệ cao hơn nhưng không quá 30% mức quy định chung.

d) Đối với các khối thi đua của tỉnh: Tỷ lệ trình khen không quá 50% trên tổng số đơn vị thành viên trong các khối thi đua. Trong những trường hợp cụ thể do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

3. Đối với các huyện, thành, thị hàng năm lựa chọn trình khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên cho từ 02 đến 03 cá nhân là nông dân tiêu biểu xuất sắc có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

Chương II

TỔ CHỨC PHÁT ĐỘNG THI ĐUA

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

TỔ CHỨC PHÁT ĐỘNG THI ĐUA

Điều 7. Hình thức, nội dung tổ chức thi đua

1. Hình thức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Điều 4, Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (Gọi tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP) và Điều 4, Điều 5, Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (gọi tắt là Thông tư 08/2017/TT-BNV).

2. Tổ chức phát động thi đua:

a) Chủ tịch UBND tỉnh phát động phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề trong phạm vi toàn tỉnh, nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và kế hoạch theo nhiệm kỳ.

b) Căn cứ nội dung phong trào thi đua do Chủ tịch UBND tỉnh phát động, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các đơn vị thành viên trong các khối thi đua, xây dựng kế hoạch thực hiện và tổ chức phát động phong trào thi đua thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua

a) Đối với phong trào thi đua thường xuyên do Chủ tịch UBND tỉnh phát động hàng năm: Việc sơ kết phong trào thi đua đồng thời với việc sơ kết 6 tháng đầu năm; tổng kết phong trào thi đua đồng thời với việc tổng kết, đánh giá kết quả công tác năm kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Đối với phong trào thi đua chuyên đề hoặc thi đua theo đợt: Việc sơ kết, tổng kết được quy định trong kế hoạch triển khai tổ chức phong trào thi đua, do Chủ tịch UBND tỉnh quy định cụ thể.

Điều 8. Đăng ký thi đua

1. Tập thể, cá nhân tham gia thi đua phải đăng ký nội dung, chỉ tiêu và danh hiệu thi đua với các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động phong trào thi đua.

2. Thủ trưởng các đơn vị cơ sở, các đơn vị trực thuộc, tổ chức cho các cá nhân, tập thể trong đơn vị đăng ký các nội dung, chỉ tiêu thi đua, danh hiệu thi đua hàng năm và gửi bản tổng hợp đăng ký thi đua tới Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ quan quản lý trước ngày 20/01 hàng năm.

3. Thủ trưởng các đơn vị thành viên trong các khối thi đua của tỉnh: Tổ chức cho các đơn vị trực thuộc ký kết giao ước thi đua; đăng ký các chỉ tiêu thi đua; các danh hiệu thi đua; các hình thức khen thưởng của cơ quan, đơn vị và gửi bản tổng hợp đăng ký thi đua tới Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh trước ngày 30/01 hàng năm.

4. Trưởng các khối thi đua của tỉnh: Tổ chức ký kết giao ước thi đua, đăng ký phần đầu hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua; các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho các đơn vị thành viên trong khối và gửi bản tổng hợp đăng ký thi đua tới Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh trước ngày 30/01 hàng năm.

5. Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch UBND tỉnh phát động: Thủ trưởng các đơn vị thành viên trong các khối thi đua của tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và đăng ký các mục tiêu, chỉ tiêu thi đua cụ thể, gửi Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh, sau 07 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua.

6. Đối với các phong trào thi đua chuyên đề do các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương phát động: Trên cơ sở kế hoạch của các ngành có đầy đủ các nội dung (theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 5 Quy định này) gửi Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh sau 07 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch.

7. Đối với tập thể được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, các nội dung chỉ tiêu đăng ký thi đua không được thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được giao. Đối với tập thể không được giao chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, các nội dung chỉ tiêu đăng ký thi đua không được thấp hơn kết quả thực hiện của năm trước liền kề, hoặc các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm đã được thông qua Hội nghị cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị.

Mục 2

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA ĐỐI VỚI CÁ NHÂN

Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị, trong năm có đăng ký thi đua và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 24 của Luật Thi đua khen thưởng năm 2013 và Điều 10, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở xét tặng hàng năm cho cá nhân tiêu biểu được lựa chọn trong số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có sáng kiến cải tiến kỹ thuật; hoặc có giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật (sáng kiến), hoặc đề tài nghiên cứu đã được nghiệm thu, ứng dụng để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác. Kết quả sáng kiến, đề tài được Hội đồng xét duyệt sáng kiến của cấp có thẩm quyền tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” công nhận.

2. Đối với cá nhân là thủ trưởng đơn vị: Ngoài các tiêu chuẩn tại Khoản 1, Điều này còn phải đạt các điều kiện sau: Cơ quan, đơn vị phải hoàn thành tốt toàn diện các chỉ tiêu thi đua và các chỉ tiêu kế hoạch trong năm; tổ chức đảng xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. Trong cơ quan, đơn vị không có cá nhân vi phạm bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” xét tặng cho cá nhân tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân đã 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; kết quả của sáng kiến, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng tích cực, nêu gương trong phạm vi toàn ngành hoặc toàn tỉnh được Hội đồng Khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoặc bộ, ngành Trung ương xem xét, công nhận.

2. Đối với cá nhân là thủ trưởng đơn vị: Ngoài các tiêu chuẩn tại Khoản 1 Điều này còn phải đạt các điều kiện sau: 02 năm liền kề trước và năm trình khen, tập thể phải đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, đối với thủ trưởng đơn vị cơ sở và đơn vị trực thuộc: Trong đó có 01 năm đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; đối với thủ trưởng các tập thể có quy mô lớn: Cơ quan, đơn vị liên tục hoàn thành xuất sắc toàn diện các chỉ tiêu thi đua và các chỉ tiêu kế hoạch, đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động và thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, trong thời gian đó ít nhất có 01 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Cờ thi đua của UBND tỉnh hoặc Cờ thi đua của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương tặng dẫn đầu các cụm, khối thi đua; tổ chức Đảng liên tục xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, trong đó ít nhất có 01 lần đạt “Trong sạch vững mạnh” hoặc “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

3. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được xét tặng cùng năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở lần thứ ba.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” xét tặng cho cá nhân tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân đã 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; thành tích, sáng kiến, đề tài nghiên cứu của cá nhân có phạm vi ảnh hưởng rộng rãi, có tác dụng nêu gương trong phạm vi toàn tỉnh và toàn quốc. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng đó do Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoặc bộ, ngành Trung ương xem xét, công nhận.

2. Đối với cá nhân là thủ trưởng đơn vị: Ngoài các tiêu chuẩn tại Khoản 1 Điều này còn phải đạt được các điều kiện sau: 06 năm liên tục đến thời điểm trình khen tập thể phải đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, đối với đơn vị cơ sở và đơn vị trực thuộc: Trong đó ít nhất có 03 lần đạt danh hiệu tập thể “Lao động xuất sắc”, năm trình khen đủ tiêu chuẩn, được cơ quan, đơn vị trình khen cấp tỉnh; đối với thủ trưởng các tập thể có quy mô lớn: Cơ quan, đơn vị phải liên tục hoàn thành xuất sắc toàn diện các chỉ tiêu thi đua và các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó ít nhất có 02 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Cờ thi đua của UBND tỉnh hoặc Cờ thi đua của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương tặng dẫn đầu các cụm, khối thi đua.

3. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc được phong tặng sau năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh lần thứ hai.

Mục 3 **ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN** **DANH HIỆU THI ĐUA ĐỐI VỚI TẬP THỂ**

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị, cho tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số những tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên; tổ chức đảng xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

Điều 14. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Đối tượng: Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” xét tặng cho những đối tượng sau:

a) Đối với cấp tỉnh: Xét tặng cho các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

b) Đối với cấp huyện: Xét tặng cho các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, các xã, phường, thị trấn (cấp xã).

c) Đối với đơn vị sự nghiệp: Xét tặng cho trường học; bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng (Đối với các trường đại học, cao đẳng, bệnh viện tuyến tỉnh).

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh: Xét tặng cho các doanh nghiệp; hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

2. Tiêu chuẩn: Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” tặng cho các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này có thành tích tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; trong tập thể không có cá nhân bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên; tổ chức đảng xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

Điều 15. Cờ thi đua của UBND tỉnh

1) Đối tượng: Cờ thi đua của UBND tỉnh xét tặng hàng năm cho:

- a) Các đơn vị thành viên trong các khối thi đua của tỉnh;
- b) Các đơn vị cơ sở trực thuộc các sở, ngành;
- c) Các xã, phường, thị trấn;
- d) Các đơn vị giáo dục trong hệ thống giáo dục và đào tạo;
- đ) Các đơn vị y tế cơ sở; các trung tâm, bệnh viện tuyến tỉnh.

2. Tiêu chuẩn: Cờ thi đua của UBND tỉnh xét tặng cho các các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành toàn diện 100% chỉ tiêu thi đua và chỉ tiêu kế hoạch, trong đó có từ 20% chỉ tiêu hoàn thành vượt mức từ 5% kế hoạch trở lên.
- b) Có nhân tố mới, mô hình mới được tổng kết để các tập thể khác trong khối, trong ngành và trong toàn huyện công nhận và học tập.
- c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác. Tổ chức đảng đạt “Trong sạch vững mạnh” trở lên.

3. Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh: Đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này còn phải hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động và thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường.

4. Việc xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh thông qua chấm điểm, bình xét, suy tôn từ các khối thi đua, các sở, ngành, các huyện, thành, thị và phải là tập thể tiêu biểu, xuất sắc được suy tôn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua trong các khối, sở, ngành, lĩnh vực, địa phương.

Điều 16. Cờ thi đua của Chính phủ

Cờ thi đua của Chính phủ xét tặng cho:

1. Tập thể tiêu biểu, xuất sắc trong số những tập thể đủ các điều kiện tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh và đạt các tiêu chuẩn cụ thể sau:

- a) Hoàn thành toàn diện 100% chỉ tiêu thi đua và chỉ tiêu kế hoạch, trong đó có từ 30% chỉ tiêu hoàn thành vượt mức từ 5% kế hoạch trở lên.
- b) Có nhân tố mới, mô hình mới tiêu biểu nhất trong từng lĩnh vực của tỉnh và toàn quốc.

c) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, chống lãng phí và các tệ nạn xã hội khác.

2. Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá vào dịp sơ, tổng kết từ 5 năm trở lên.

3. Trên cơ sở kết quả suy tôn và thành tích đạt được của các đơn vị, địa phương, theo các lĩnh vực cụ thể, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh xem xét lựa chọn các tập thể tiêu biểu, xuất sắc trình Chính phủ tặng Cờ thi đua theo tiêu chuẩn và tỷ lệ quy định.

Chương III

TIÊU CHUẨN CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 17. Giấy khen

1. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp cấp tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân và hộ gia đình thực hiện theo quy định tại các khoản 41, 42 Điều 1, Luật số 39/2013/QH13.

2. Việc tặng thưởng giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, gia đình và tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua hoặc có đóng góp cho địa phương và xã hội.

3. Giấy khen tặng cho gia đình, thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 40, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 18. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, có thành tích tiêu biểu, xuất sắc được lựa chọn trong số các cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động.

b) Đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua chuyên đề, lĩnh vực theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quy định này.

c) Đạt thành tích xuất sắc đột xuất, có tác dụng nêu gương học tập, phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực trên phạm vi toàn tỉnh.

d) Hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, ít nhất một lần đạt Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; hoặc đạt danh hiệu Doanh nhân tiêu biểu Đất Tổ.

đ) Đạt giải vô địch quốc gia được phong kiện tướng; đạt huy chương các loại trong các kỳ Đại hội thể dục, thể thao toàn quốc; các giải quốc tế khu vực các nước Đông Nam Á – Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEAGames); Các giải quốc tế khu vực Châu Á, Châu Á Thái Bình Dương - Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD); Đại hội thể thao trong nhà Châu Á (Indoor Games); Các giải quốc tế mang tính toàn cầu (Đại hội Olympic). Các giải đạt được từ các cuộc thi giao hữu quốc tế khác không thuộc đối tượng khen thưởng theo quy định này.

e) Đối với công nhân, nông dân, người lao động có nhiều thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và có 02 lần được các cơ quan có thẩm quyền tặng giấy khen.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho gia đình ở các địa phương gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, trị giá từ 300 triệu đồng trở lên, đối với gia đình ở các vùng đặc biệt khó khăn có đóng góp từ 150 triệu đồng trở lên.

b) Đã 02 lần đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi hoặc hộ gia đình tiêu biểu cấp huyện, hoặc một lần đạt danh hiệu Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, hoặc hộ gia đình tiêu biểu cấp tỉnh.

3. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho các tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn tại Mục a, hoặc b, Điểm 2, Khoản 39; Điều 1, Luật số 39/2013/QH 13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Hai năm liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc; tổ chức đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài, tình nguyện có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Phú Thọ.

Điều 19. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng cho các cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

a) Đối với cá nhân trình khen theo tiêu chuẩn quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, ngoài tiêu chuẩn theo quy định phải có 01 lần đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

b) Đối với cá nhân là thủ trưởng đơn vị: Ngoài các tiêu chuẩn tại quy định Điểm a, Khoản 1 Điều này còn phải đạt các điều kiện sau: 05 năm liên tục đến thời điểm trình khen, tập thể phụ trách phải đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”; đối với đơn vị cơ sở và đơn vị trực thuộc: Trong đó ít nhất có 03 lần đạt danh hiệu tập thể “Lao động xuất sắc” hoặc bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; đối với thủ trưởng các tập thể có quy mô lớn: Cơ quan, đơn vị phải liên tục hoàn thành xuất sắc toàn diện các chỉ tiêu thi đua và các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó ít nhất có 02 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc 01 lần Bằng khen và một lần cờ thi đua của UBND tỉnh hoặc Cờ thi đua của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương tặng dẫn đầu các cụm, khối thi đua hoặc dẫn đầu lĩnh vực của tỉnh (gọi tắt là Cờ thi đua cấp tỉnh); tổ chức đảng liên tục đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, trong đó ít nhất có 03 lần đạt “Trong sạch vững mạnh” hoặc “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và phải được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

3. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn:

a) Đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 4, Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Tiêu biểu trong số những gia đình đã được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen theo tiêu chuẩn quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 18 Quy định này.

4. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn:

a) Đạt tiêu chuẩn quy định tại Điểm a hoặc Điểm b, Khoản 3, Điều 38, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 03 lần đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc Bằng khen và 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh); tổ chức đảng liên tục đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, trong đó ít nhất có 02 lần đạt “Trong sạch vững mạnh” hoặc “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

c) Đối với những tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua: 05 năm liên tục trở lên đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, trong đó có 02 lần được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen; tổ chức đảng liên tục đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, trong đó ít nhất có 03 lần đạt “Trong sạch vững mạnh” hoặc “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

Điều 20. Huân chương Lao động hạng Ba

1. Huân chương Lao động hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc và đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” trong thời gian đó có 02 đề tài, sáng kiến được ứng dụng đem lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương trong toàn tỉnh, được Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận.

Đối với cá nhân là thủ trưởng đơn vị: Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này còn phải đạt các điều kiện quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 19 Quy định này.

b) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại các Điểm b, c, d Khoản 1, Điều 24, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Huân chương Lao động hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này.

b) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại các Điểm b, c Khoản 2, Điều 24, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Huân chương Lao động hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài, liên tục trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể... đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 3, Điều 24, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Huân chương Lao động hạng Ba tặng cho các tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích tiêu biểu, xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong phạm vi toàn tỉnh; Tổ chức Đảng đạt “Trong-sạch vững-mạnh”, hoặc “ Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có ít nhất có 02 lần được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh hoặc 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh và 01 bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc 01 lần được tặng Cờ thi đua của Chính phủ và 01 bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh; đối với đơn vị cơ sở: 05 năm tiếp theo liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, trong đó ít nhất có 02 lần được tặng bằng khen và một lần được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh; đối với đơn vị trực thuộc: 05 năm tiếp theo liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc trong đó có ít nhất 02 lần được tặng bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; tổ chức đảng liên tục đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, trong đó ít nhất có 03 lần đạt “Trong sạch vững mạnh”, hoặc “ Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

Điều 21. Huân chương Lao động hạng Nhì

1. Huân chương Lao động hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại các Điểm b, c, d, Khoản 1, Điều 23, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba, 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc trong thời gian đó có 03 đề tài, sáng kiến được ứng dụng đem lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương trong toàn tỉnh, được Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận.

Đối với cá nhân là thủ trưởng đơn vị: Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này còn phải đạt các điều kiện quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 19 Quy định này.

2. Huân chương Lao động hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cá nhân có quá trình cống hiến, đạt một trong

các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 23, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Huân chương Lao động hạng Nhì để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích tiêu biểu xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn tỉnh; Tổ chức đảng đạt “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba, 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đối với đơn vị cơ sở 05 năm trở lên liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh; hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh; tổ chức đảng liên tục đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 03 lần đạt “Trong sạch vững mạnh” hoặc “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

Điều 22. Huân chương Lao động hạng Nhất

1. Huân chương Lao động hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại các Điểm b, c, d, Khoản 1, Điều 22, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì, 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 04 đề tài, sáng kiến được ứng dụng đem lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng nêu gương trong toàn quốc, được Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận.

Đối với cá nhân là thủ trưởng đơn vị: Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này còn phải đạt các điều kiện quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 19 Quy định này.

2. Huân chương Lao động hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài, đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 22, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Huân chương Lao động hạng Nhất để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 22, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì, 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh và 01 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc 04 lần được tặng Cờ

thi đua cấp tỉnh và 01 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; tổ chức đảng liên tục đạt “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, trong đó có 03 lần đạt “Trong sạch vững mạnh” hoặc “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

Điều 23. Huân chương Độc lập hạng Ba

1. Huân chương Độc lập hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 18 Nghị định số 91/2017/CP.

2. Huân chương Độc lập hạng Ba để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhất, 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 01 lần Cờ thi đua cấp tỉnh, hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ, 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh và 01 Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Tổ chức đảng đạt “Trong sạch vững mạnh”, trong đó có ít nhất 01 lần đạt “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

c) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

Điều 24. Huân chương Độc lập hạng Nhì

1. Huân chương Độc lập hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 17, Nghị định số 91/2017/CP.

2. Huân chương Độc lập hạng Nhì để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng Ba, 10 năm tiếp trở lên theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 01 lần Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc có 02 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh và 01 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Tổ chức đảng đạt “Trong sạch vững mạnh”, trong đó có ít nhất 02 lần đạt “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

Điều 25. Huân chương Độc lập hạng Nhất

1. Huân chương Độc lập hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 16, Nghị định số 91/2017/CP.

2. Huân chương Độc lập hạng Nhất để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì, 10 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 01 lần được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 01 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc

có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, 02 lần được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh và 01 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Tổ chức đảng đạt “Trong sạch vững mạnh”, trong đó có ít nhất 03 lần đạt “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG, QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA - HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 26. Thẩm quyền quyết định

1. Thẩm quyền quyết định tặng Cờ thi đua của Chính phủ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Huân chương, Huy chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước (Cấp nhà nước) được thực hiện theo quy định tại các Điều 77, 78 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và các hình thức, danh hiệu vinh danh của tỉnh.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị, thủ trưởng các sở, ban, ngành, cấp tỉnh quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; Giấy khen cho các tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, giám đốc các doanh nghiệp, Hiệu trưởng các trường tư thục, Chủ nhiệm Hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”; danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; Giấy khen cho các tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý.

5. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu Lao động tiên tiến, gia đình văn hóa.

Điều 27. Thẩm quyền và nghi thức trao tặng

1. Thẩm quyền trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, danh hiệu vinh dự nhà nước, được thực hiện theo quy định tại Điều 81 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

2. Hằng năm vào dịp 02/9 UBND tỉnh tổ chức Lễ trao tặng các danh hiệu và hình thức khen cao (khen thưởng xuyên) cho các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác năm kế hoạch, đối với thành tích năm học UBND tỉnh ủy quyền cho ngành Giáo dục và Đào tạo hoặc UBND các huyện, thành, thị tổ chức trao tặng vào dịp 20/11 hoặc vào dịp tổng kết năm học.

3. Nghi thức, trình tự tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước được thực hiện theo quy định tại các Điều 25, 26, 27,

28 Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm, nghi thức, trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua...

4. Đối với việc trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh: Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị hoặc cơ quan Thường trực các Ban chỉ đạo, Ban tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua chuyên đề, tổ chức trao tặng vào hội nghị sơ kết, tổng kết hoặc lồng ghép vào các hội nghị có nội dung liên quan, đảm bảo trang trọng, thiết thực, hiệu quả, có sức lan tỏa, nêu gương.

Mục 2- **QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG**

Điều 28. Khen thưởng cấp tỉnh

1. Đối với tập thể nhỏ và đơn vị cơ sở có dưới 30 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

a) Tổ chức cuộc họp toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động xét chọn, bình bầu những cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác (Đối chiếu với các tiêu chuẩn của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng và Quy định này). Đối tượng đủ tiêu chuẩn trình khen phải được 2/3 tổng số cán bộ, công chức, công nhân viên chức, người lao động biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Số người tham gia cuộc họp bình xét phải đạt từ 80% tổng số cá nhân trong tập thể.

b) Lập biên bản kết quả bình xét; đề nghị Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị xét trình Thủ trưởng đơn vị quyết định khen thưởng, công nhận danh hiệu thi đua hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Đối với tập thể có quy mô lớn

a) Trên cơ sở kết quả bình xét của các tập thể nhỏ và các đơn vị cơ sở, Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị tiến hành họp xem xét, bình chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Thủ trưởng đơn vị ra các quyết định khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua, hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

b) Đối tượng đủ tiêu chuẩn được khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng phải được 2/3 thành viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng có mặt biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành; riêng đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; Anh hùng Lao động; Thầy thuốc, Nhà giáo, Nghệ nhân, Nghệ sỹ nhân dân và ưu tú phải được từ 90% trở lên trên tổng số thành viên Hội đồng tán thành (Nếu vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản). Cuộc họp bình xét của Hội đồng Thi đua, khen thưởng đơn vị phải có mặt ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng.

c) Lập biên bản kết quả bình xét và đề nghị Thủ trưởng đơn vị ra quyết định khen thưởng, công nhận các danh hiệu thi đua và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

d) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các cấp, các ngành trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định khen thưởng theo quy định.

Điều 29. Khen thưởng của Chính phủ và Nhà nước (khen cao)

1. Đối với khen tổng kết năm thi đua:

a) Các danh hiệu thi đua; danh hiệu vinh dự nhà nước; các hình thức khen thưởng của Nhà nước và Chính phủ do Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh xét, trình UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

b) Đối với các hình thức khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc và các danh hiệu vinh dự nhà nước cho cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý, do Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh xét trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quy chế của Tỉnh ủy.

2. Đối với khen thưởng theo chuyên đề: Trên cơ sở lựa chọn, đề nghị của các ngành, Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh có trách nhiệm thẩm định, xin ý kiến Hội đồng và trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Điều 30. Tuyền trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và quỹ tiền lương thì Thủ trưởng cấp đó có trách nhiệm khen thưởng và xét trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp nào, ngành nào chủ trì phát động các đợt thi đua chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn các điển hình tiên tiến, thì cấp, ngành đó khen thưởng tại cơ sở; những đối tượng thật sự tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua mới trình cấp trên khen thưởng theo số lượng quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 4 Quy định này.

3. Đối với các doanh nghiệp, các hợp tác xã, khi trình khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban giám đốc, Ban Chủ nhiệm các tổ chức, trực tiếp khen thưởng, xét và đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Đối với các trường tư thục:

a) Đối với các cơ sở giáo dục thuộc huyện, thành, thị: UBND huyện, thành, thị có trách nhiệm khen thưởng và xem xét trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

b) Đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm khen thưởng và xem xét trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

Điều 31. Hiệp y khen thưởng

Khi trình khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên cho tập thể và cá nhân là Thủ trưởng các doanh nghiệp; đơn vị cơ sở trực thuộc các sở, ngành có trụ sở đóng trên địa bàn các huyện, thành, thị hoặc trường các phòng, ban cấp huyện khi trình

khen cao, trong những trường hợp cần thiết, phải có văn bản hiệp y của UBND cấp huyện, thành, thị hoặc các sở, ngành quản lý cấp tỉnh. Thủ tục hiệp y do Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh thực hiện.

Mục 3 **QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG**

Điều 32. Nguồn và mức trích quỹ

Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo các quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và Điều 3 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 33. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm kỷ niệm chương, huy hiệu, cờ thi đua, khung bằng khen.

2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể.

3. Trích 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua. Cụ thể:

- Chi cho công tác tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua, khen thưởng.

- Chi cho công tác xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua (theo đợt, chuyên đề, thường xuyên), tập huấn nghiệp vụ; tổ chức các hội nghị ký kết giao ước thi đua; sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm; tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến; các hoạt động của khối thi đua; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức chỉ đạo các phong trào thi đua.

Điều 34. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

a) Đối với cấp huyện: Căn cứ tình hình triển khai nhiệm vụ thi đua, khen thưởng hàng năm, Phòng Nội vụ và Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu với Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phân bổ và giao kế hoạch kinh phí thi đua khen thưởng của địa phương cùng với việc giao kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm và phải được hạch toán thành mục riêng ngay từ đầu năm kế hoạch.

b) Đối với cấp tỉnh: Trên cơ sở các quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của tỉnh trong năm kế hoạch, Ban Thi đua, khen thưởng trú trì phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự trù kinh phí thi đua, khen thưởng trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt trong kế hoạch dự toán giao ngân sách hàng năm.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

3. Các tập thể, cá nhân được Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh trình UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước khen thưởng, tiền thưởng được trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh. Ban Thi đua, khen

thường có trách nhiệm thực hiện việc chi thưởng theo quy định và hạch toán chi thành mục riêng.

Điều 35. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi

1. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi:

Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu, hình thức khen thưởng của Luật Thi đua, khen thưởng được thực hiện theo các qui định từ Điều 68 đến Điều 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Chế độ thưởng vật chất: Những tập thể, cá nhân đoạt các giải trên các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; khoa học - công nghệ (Chưa được thưởng theo quy định của điều lệ giải); giáo dục và đào tạo; thể thao thành tích cao được Chủ tịch UBND tỉnh thưởng vật chất kèm theo các loại giải thưởng (bằng tiền hoặc kỷ vật có giá trị tương đương); nguồn chi thưởng được trích từ ngân sách tỉnh chi cho sự nghiệp ngành hoặc từ nguồn dự toán chi thi đua, khen thưởng (Đối với hệ thống giáo dục và đào tạo) theo kế hoạch dự toán ngân sách tỉnh hàng năm, cụ thể như sau:

a) Đạt giải quốc tế mang tính toàn cầu (đối với thể thao thành tích cao là Đại hội Thể thao Thế giới – Olympic - Chu kỳ 4 năm một lần):

- Giải Nhất (HCV) được thưởng 36 lần mức lương cơ sở,
- Giải Nhì (HCB) được thưởng 28 lần mức lương cơ sở,
- Giải Ba (HCB) được thưởng 18 lần mức lương cơ sở,
- Giải Khuyến khích được thưởng 10 lần mức lương cơ sở.

b) Đạt giải quốc tế Khu vực Châu Á - Châu Á Thái Bình Dương (Đối với thể thao thành tích cao là Đại hội Thể thao Châu Á – ASIAD- Chu kỳ 4 năm một lần; Đại hội thể thao Châu Á trong nhà Indor Games):

- Giải Nhất (HCV) được thưởng 28 lần mức lương cơ sở,
- Giải Nhì (HCB) được thưởng 18 lần mức lương cơ sở,
- Giải Ba (HCB) được thưởng 11 lần mức lương cơ sở,
- Giải Khuyến khích được thưởng 06 lần mức lương cơ sở.

c) Đạt giải quốc tế Khu vực các nước Đông Nam Á (đối với thể thao thành tích cao là Đại hội Thể thao Đông Nam Á- Segame - Chu kỳ 2 năm một lần):

- Giải Nhất (HCV) được thưởng 18 lần mức lương cơ sở,
- Giải Nhì (HCB) được thưởng 11 lần mức lương cơ sở,
- Giải Ba (HCB) được thưởng 08 lần mức lương cơ sở,
- Giải Khuyến khích được thưởng 05 lần mức lương cơ sở.

d) Đạt giải quốc gia THPT, khoa học kỹ thuật (HSG) - Đại hội thể thao toàn quốc - Chu kỳ 4 năm 1 lần:

- Phá kỷ lục, được thưởng 10 lần mức lương cơ sở,
- Giải Nhất (HCV) được thưởng 08 lần mức lương cơ sở,
- Giải Nhì (HCB) được thưởng 07 lần mức lương cơ sở,

- Giải Ba (HCD) được thưởng 06 lần mức lương cơ sở,
- Giải Khuyến khích được thưởng 03 lần mức lương cơ sở.

đ) Đạt giải vô địch quốc gia:

- Phá kỷ lục, được thưởng 08 lần mức lương cơ sở,
- Huy chương Vàng được thưởng 06 lần mức lương cơ sở,
- Huy chương Bạc được thưởng 05 lần mức lương cơ sở,
- Huy chương Đồng được thưởng 04 lần mức lương cơ sở.

e) Đạt các giải Thể thao do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Tổng cục Thể dục, thể thao tổ chức:

- Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc - chu kỳ 4 năm một lần; Cúp quốc gia; giải thể thao xuất sắc toàn quốc: Được thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng của giải vô địch quốc gia.

- Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc (Khu vực) chu kỳ 4 năm một lần; giải vô địch trẻ quốc gia: được thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng của giải vô địch quốc gia.

- Giải vô địch trẻ quốc gia: Được thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng của giải vô địch quốc gia.

- Giải vô địch trẻ lứa tuổi quốc gia: Được thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng của giải vô địch quốc gia.

g) Mức thưởng đối với những môn thể thao tập thể hoặc đồng đội:

- Môn thể thao tập thể: Mức thưởng chung bằng 03 lần mức thưởng cá nhân đạt giải tương ứng.

- Môn thể thao đồng đội: Mức thưởng chung bằng 02 lần mức thưởng cá nhân đạt giải tương ứng.

h) Mức thưởng đối với giáo viên; huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện, bồi dưỡng giảng dạy học sinh, vận động viên đạt các giải: Được Chủ tịch UBND tỉnh thưởng bằng 60% giá trị thưởng của học sinh; vận động viên có một huy chương được thưởng bằng 60%, có hai huy chương được thưởng bằng 50%, có từ ba huy chương được thưởng bằng 40% giá trị thưởng của vận động viên đạt giải tương ứng. Mức thưởng tính trên giá trị tỷ lệ % của số lượng Huy chương, không phải tính trên tỷ lệ % của số lượng vận động viên đạt giải.

i) Đối với các vận động viên đạt giải tại các cuộc thi đấu của giải vô địch thế giới, vô địch châu Á và Đông Nam Á được thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 2, Điều 35 Quy định này. Đối với các vận động viên đạt giải tại các cuộc thi đấu của giải Cúp thế giới, Châu Á, Đông Nam Á được thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 2, Điều 35 Quy định này. Đối với các vận động viên đạt giải tại các cuộc thi đấu cầu giải Olympic trẻ, vô địch trẻ Thế giới, Châu Á, Đông Nam Á được thưởng bằng 10% mức thưởng tương ứng quy định tại Khoản 2, Điều 35 Quy định này.

k) Đối với hệ thống giáo dục và đào tạo: Đối tượng được thưởng vật chất theo quy định tại Khoản 2, Điều 35 Quy định này là các học sinh đạt giải trong

các kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia THPT, Olympic quốc tế THPT và khoa học kỹ thuật.

Các giải đạt được trong các kỳ thi giao lưu, mở rộng, trên internet... không thuộc đối tượng điều chỉnh tại khoản 2, Điều 35 Quy định này.

1) Đối với các giải cấp tỉnh, cấp huyện hằng năm, 5 năm: Chỉ được thưởng theo các quy định của Điều lệ giải, tiền thưởng được trích từ nguồn dự toán kinh phí chi thi đua, khen thưởng đã được UBND tỉnh giao (Đối với hệ thống giáo dục và đào tạo) và từ nguồn kinh phí tổ chức hội thi, đại hội đã được UBND huyện, UBND tỉnh phê duyệt nhưng cao nhất không quá 3,0 lần mức lương cơ sở.

Điều 36. Trách nhiệm và thời gian chi trả tiền thưởng-

1. Trách nhiệm chi trả tiền thưởng

Cơ quan chuyên trách thi đua, khen thưởng cấp tỉnh (Ban Thi đua, khen thưởng) chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho Bạc nhà nước tỉnh Phú Thọ, có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục chi trả tiền thưởng cho các đơn vị trình khen kịp thời, theo quy định, đảm bảo nguyên tắc khen tinh thần đi đôi với thưởng vật chất.

2. Thời gian chi trả tiền thưởng.

a) Đối với khen thưởng xuyên - khen toàn diện: Ban Thi đua, khen thưởng có trách nhiệm tiếp nhận và chuyển giao tiền thưởng cho các đơn vị trình khen chậm nhất sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định khen thưởng.

b) Đối với khen chuyên đề: Ban Thi đua, khen thưởng có trách nhiệm tiếp nhận và chuyển giao tiền thưởng cho các đơn vị trình khen trước ngày tổ chức Hội nghị sơ, tổng kết các chuyên đề, ít nhất là 01 ngày.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 37. Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh (TĐKT)

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND tỉnh,

b) Hội đồng có từ 13 - 17 thành viên, trong đó có từ 03 - 04 Phó Chủ tịch. Phó Chủ tịch thứ Nhất là Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch Thường trực là Phó Giám đốc Sở Nội vụ kiêm Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, các Phó Chủ tịch và thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng theo quy chế hoạt động của Hội đồng, do Chủ tịch UBND tỉnh quy định.

4. Cơ quan Thường trực của Hội đồng TĐKT tỉnh là Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh.

Điều 38. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các huyện, thành, thị (Cấp huyện)

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện là cơ quan tham mưu cho Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và UBND cấp huyện về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND cấp huyện,

b) Hội đồng có từ 13 - 15 thành viên, trong đó có từ 02 - 03 phó Chủ tịch. Phó Chủ tịch thứ Nhất là Phó Chủ tịch UBND cấp huyện, Phó Chủ tịch Thường trực là Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện, các Phó Chủ tịch và thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng, theo quy chế của Hội đồng do Chủ tịch UBND cấp huyện quy định.

4. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng cấp huyện, là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cùng cấp.

Điều 39. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (gọi tắt là Hội đồng TĐKT sở, ngành)

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các sở, ngành là cơ quan tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị,

b) Số lượng thành viên Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan quyết định, trong đó có từ 01- 02 Phó Chủ tịch, gồm: Cấp Phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, trưởng các đoàn thể, các phòng chức năng... đối tượng thành viên cụ thể do Chủ tịch Hội đồng cơ quan quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng, theo quy chế của Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định.

4. Phòng Hành chính - Tổ chức hoặc Văn phòng sở, ngành là cơ quan Thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng cơ quan.

Điều 40. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở, đơn vị cơ sở

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn), là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác thi đua, khen thưởng. Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND cấp xã. Hội đồng có từ 7-9 thành viên, trong đó có 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch UBND, cán bộ làm công tác Văn phòng - Thống kê là Ủy viên Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng, đối tượng, cơ cấu thành viên cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quyết định. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng theo quy chế hoạt động của Hội đồng do Chủ tịch UBND cấp xã quy định.

2. Hội đồng thi đua, khen thưởng đơn vị cơ sở: Đối với những đơn vị cơ sở có trên 30 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, có thể thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng, tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị về công tác Thi đua, khen thưởng. Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng đơn vị; một cán bộ cấp phó của người đứng đầu là Phó Chủ tịch Hội đồng; số lượng, cơ cấu thành viên cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quyết định. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng, theo quy chế hoạt động của Hội đồng do Thủ trưởng đơn vị quy định.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Trách nhiệm tổ chức, triển khai phong trào thi đua

Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; người đứng đầu các doanh nghiệp, Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng thuộc các khối thi đua của tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên cùng cấp để triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động và tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phạm vi quản lý, chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

Điều 42. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này. Ban Thi đua, khen thưởng có trách nhiệm tham mưu, giúp Giám đốc Sở triển khai thực hiện Quy định đến các đơn vị thành viên trong các khối thi đua của tỉnh. Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, đôn đốc nhằm thực hiện có hiệu quả các nội dung tại Quy định này.

Điều 43. Trách nhiệm của các cơ quan thông tin đại chúng

Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng để đưa tin tuyên truyền rộng rãi các nội dung của Quy định này và các chính sách về công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua. Phát hiện các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 44. Điều khoản thực hiện

Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện thành, thị, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (Qua Ban Thi đua, Khen thưởng - cơ quan Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh) để nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Bùi Minh Châu